

Số: *02*/TB - UBND

Cao Ngạn, ngày 05 tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO
Công khai thu chi ngân sách xã Cao Ngạn quý 4 năm 2022

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 của HĐND xã Cao Ngạn về việc phê chuẩn dự toán ngân sách năm 2022.

UBND xã Cao Ngạn thông báo công khai thu chi ngân sách xã quý 4 năm 2022

UBND xã Cao Ngạn niêm yết công khai dự toán ngân sách bắt đầu từ ngày 05/01/2023 đến hết ngày 05/02/2023;

Địa điểm niêm yết : Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa các xóm, trên cổng thông tin của xã.

Trên đây là thông báo công khai dự toán thu chi ngân sách xã quý 4 năm 2022 .

Nơi nhận

- Thường trực Đảng ủy
- Lãnh đạo UBND,
- Lưu VP



Đoàn Việt Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Kết thúc niêm yết công khai dự toán thu chi ngân sách
xã Cao Ngạn quý 4 năm 2022

1. Thời gian: Vào hồi 7 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 02 năm 2023

2. Địa điểm: UBND xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên.

3. Thành phần gồm:

1. Ông: Đoàn Việt Dũng, Chủ tịch UBND xã, Chủ tài khoản

2. Bà: Đinh Thị Hương Quỳnh, Công chức kế toán NS, Thành viên

3. Bà Chu Thị Lan, Công chức Văn phòng - Thống kê, Thành viên

4. Nội dung:

Tiến hành lập biên bản Kết thúc niêm yết công khai thu chi ngân sách xã Cao Ngạn quý 4 năm 2022

Thời gian niêm yết từ ngày 05/01/2023 đến hết ngày 05/02/2023.

Trong thời gian niêm yết trên không nhận được bất kỳ ý kiến phản ánh hay khiếu nại về Danh sách trên.

Vậy chúng tôi lập biên bản này làm căn cứ báo cáo UBND thành phố, phòng tài chính kế hoạch tổng hợp và thẩm định

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Chu Thị Lan



Đoàn Việt Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CAO NGẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/QĐ-UBND

Cao Ngạn, ngày 05 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai thu, chi ngân sách nhà nước
Quý 4 năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CAO NGẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Cao Ngạn về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách nhà nước Quý 4 năm 2022
(Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Công chức văn phòng – Thống kê, Ban tài chính, Kế toán ngân sách, các bộ phận chuyên môn, tập thể, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố TN;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UBMTTQ xã;
- Các ban ngành đoàn thể xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Đoàn Việt Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CAO NGẠN

Biểu số 115/CK TC-NSNN

BÁO CÁO TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH XÃ
QUÝ 4 NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán năm 2022			Thực hiện (quý 4 năm 2022)			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
I	2	3	4	5	6	7	8= 5/2	9=6/3	10= 7/4
Tổng số chi	7.007.881.751	-	7.007.881.751	2.769.541.529	-	2.769.541.529	39,5,	-	39,5,
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	757.140.000	-	757.140.000	193.539.533	-	193.539.533	26	-	26
- Chi dân quân tự vệ	445.000.000	-	445.000.000	75.844.533	-	75.844.533	17	-	17
- Chi trật tự an toàn xã hội	312.140.000	-	312.140.000	117.695.000	-	117.695.000	38	-	38
2. Chi giáo dục	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Chi y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chi văn hóa, thông tin	110.000.000	-	110.000.000	107.300.000	-	107.300.000	98	-	98
6. Chi phát thanh, truyền thanh	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000	-	25.000.000	18.042.000	-	18.042.000	72	-	72
8. Chi bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9. Chi các hoạt động kinh tế	134.738.000	0	134.738.000	134.738.000	-	134.738.000	0,0	0	0,0
- Giao thông	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	134.738.000	-	134.738.000	134.738.000	-	134.738.000	-	-	-
- Thị chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thương mại, du lịch	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Các hoạt động kinh tế khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.750.923.751	-	4.750.923.751	1.345.419.996	-	1.345.419.996	28	-	28
Trong đó: Quỹ lương	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10.1. Quản lý Nhà nước	2.751.459.750	-	2.751.459.750	735.907.227	-	735.907.227	26,7	-	26,7



10.2. Hội đồng nhân dân	400.000.000		400.000.000	102.894.350	102.894.350	25,7	25,7
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	677.000.001		677.000.001	223.580.068	223.580.068	33,0	33,0
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	302.000.000		302.000.000	118.131.755	118.131.755	39,1	39,1
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	130.000.000		130.000.000	28.837.394	28.837.394	22,2	22,2
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	110.000.000		110.000.000	30.209.684	30.209.684	27,5	27,5
10.7. Hội Cựu chiến binh	125.000.000		125.000.000	35.680.353	35.680.353	28,5	28,5
10.8. Hội Nông dân	110.000.000		110.000.000	30.313.165	30.313.165	27,6	27,6
10.9. Hội chữ thập đỏ	25.000.000		25.000.000	6.364.000	6.364.000	25,5	25,5
10.10. Hội người cao tuổi	25.000.000		25.000.000	6.364.000	6.364.000	25,5	25,5
10.11. Chi khác INXF, DC, KH, DV	95.464.000		95.464.000	27.138.000	27.138.000	28,4	28,4
11. Chi cho công tác xã hội	1.230.080.000		1.230.080.000	970.502.000	970.502.000	78,9	79
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	70.080.000		70.080.000	25.438.000	25.438.000	36,3	36,3
Trợ cấp xã hội	-		-	5.064.000	5.064.000		
Khác	1.160.000.000		1.160.000.000	940.000.000	940.000.000		
12. Chi khác							
13. Dự phòng							
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau							

Bộ phận tài chính, Kế toán xã

(Handwritten signature)

Đinh Thị Hương Quỳnh

Ngày 05 tháng 1 năm 2023

TM.UBND xã, phường,

Chủ tịch

(Handwritten signature)



Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BÁO CÁO TỔNG HỢP THU NGÂN SÁCH XÃ
QUÝ 4 NĂM 2022

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung	Dự toán năm 2022		Thực hiện (quý 4 năm 2022)		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5= 3/1	6= 4/2
Tổng số thu	8.453.767.884	8.370.767.884	9.427.111.628	9.278.867.842	112	111
I. Các khoản thu 100%	109.698.000	109.698.000	150.728.570	149.135.000	137	136
- Phí, lệ phí	45.000.000	45.000.000	48.367.000	48.367.000	107	107
- Đóng góp của nhân dân theo quy định	64.698.000	64.698.000	64.698.000	64.698.000		
- Thu khác			37.663.570	36.070.000		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.382.000.000	3.299.000.000	4.314.313.174	4.167.662.958	128	126
1. Các khoản thu phân chia	3.332.000.000	3.254.000.000	4.270.105.187	4.127.875.751	128	127
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50.000.000	50.000.000	160.137.980	160.137.980	320	320
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	100	100
Lệ phí trước bạ nhà đất, ô tô, xe máy	2.720.000.000	2.720.000.000	2.872.785.281	2.872.785.281	106	106
- Thuế TNCN đất	530.000.000	477.000.000	1.208.836.096	1.087.952.490	228	228
- Thuế TNCN hộ	25.000.000		21.345.830		85	
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	50.000.000	45.000.000	44.207.987	39.787.207	88	88
- Thuế GTGT	50.000.000	45.000.000	44.207.987	39.787.207	88	88
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn	1.275.719.014	1.275.719.014	1.275.719.014	1.275.719.014	100	100
V. Thu kết dư ngân sách năm trước	108.558.939	108.558.939	108.558.939	108.558.939	100	100
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.577.791.931	3.577.791.931	3.577.791.931	3.577.791.931	100	100
- Bổ sung cân đối NS	1.843.127.000	1.843.127.000	1.843.127.000	1.843.127.000	100	100
- Bổ sung có mục tiêu	1.734.664.931	1.734.664.931	1.734.664.931	1.734.664.931	100	100

Ngày 05 tháng 01 năm 2023

Bộ phận tài chính, Kế toán xã



Đinh Thị Hương Quỳnh

TM UBND xã, phường, thị
Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)



Đoàn Việt Dũng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 4 NĂM 2022

Đơn vị: Đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý 4 năm 2022	So sánh (%)
I	TỔNG SỐ THU	8.306.069.884	9.278.867.842	111,7
1	Các khoản thu xã được hưởng 100%	52.000.000	156.135.000	300,3
	Phí môn bài	7.000.000	7.000.000	100,0
	Phí, lệ phí	45.000.000	48.367.000	107,5
	Thu nhân dân đóng góp		64.698.000	
	Thu khác		36.070.000	
2	Các khoản thu theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.292.000.000	4.160.662.958	126,4
	Thuế giá trị gia tăng	45.000.000	39.787.207	88,4
	Thuế trước bạ nhà đất	2.720.000.000	2.872.785.281	105,6
	Thuế thu nhập cá nhân (BĐS)	477.000.000	1.087.952.490	228,1
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50.000.000	160.137.980	320,3
	Thuế đất nông nghiệp	-	-	
3	Thu bổ sung	3.577.791.931	3.577.791.931	100,0
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	1.843.127.000	1.843.127.000	100,0
	Thu bổ sung có mục tiêu	1.734.664.931	1.734.664.931	100,0
4	Thu chuyển nguồn	1.275.719.014	1.275.719.014	100,0
5	Thu kết dư	108.558.939	108.558.939	100,0
II	TỔNG SỐ CHI	7.254.016.952	2.769.541.529	38,2
1	Chi đầu tư phát triển	246.135.201		
2	Chi thường xuyên	6.905.014.751	2.769.541.529	40,1
3	Dự phòng	102.867.000	-	0,0

Bộ phận tài chính, Kế toán xã



Đinh Thị Hương Quỳnh

Ngày 05 tháng 1 năm 2023
TM.UBND xã, phường, thị trấn

Đoàn Việt Dũng